

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HS-ST
Ngày 29-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.
2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 29-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2019/TLST-HS ngày 20-9-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/QĐXXST-HS ngày 14-10-2019 đối với:

1. Bị cáo: Lê Đình T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn P, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông Lê Đình A và bà Lê Thị H; Vợ là: Cao Thị V, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ra trại về địa phương ngày 18-4-2012; Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ra trại về địa phương ngày 01-7-2014; Bị bắt tạm giữ ngày 20-6-2019 đến ngày 21-6-2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Người làm chứng:

2.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970;

2.2. Anh Nguyễn Thế E, sinh năm 1980;

Đều trú tại: thôn M, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do mắc nghiện ma túy nên khoảng 04 giờ ngày 20/6/2019 Lê Đình T mang theo số tiền 600.000 đồng, đi bộ từ nhà ở thôn P, xã D ra bến

đò P, xã D về sang huyện S, TP. Hà Nội tìm mua ma túy sử dụng. Khi T đi đến đóc L thuộc xã V, huyện S, TP. Hà Nội thì gặp một người đàn ông lạ mặt khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1m70 đang đi bộ, T nghi là người nghiện nên lại gần và hỏi “anh có bán hàng không”, ý T muốn hỏi mua ma túy, thì người đó bảo có bán nên T đã lấy 600.000 đồng đưa cho người đó. Sau khi cầm tiền người đàn ông này đưa cho T 01 túi nilon màu trắng bên trong có 10 gói nilon màu hồng. T không mở ra nhưng biết chắc là bên trong đã có ma túy nên đút vào túi quần phía trước bên phải đang mặc và đi bộ quay về. Khi tới bến đò P thì T không về nhà mà xin đi nhờ xe mô tô của một người đi đò cùng (T không biết tên, địa chỉ và biển số xe của người này) vào thị trấn K. Tới ngã tư đèn xanh, đèn đỏ ở thị trấn K, T xuống xe và đi bộ vào Trung tâm Y tế huyện K để uống Methadone. Đến khoảng 6 giờ 30 phút, trong khi đợi uống Methadone, T có đi lại ở cổng Trung tâm Y tế và bị Công an huyện K phối hợp với Công an thị trấn K tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra, T tự lấy từ túi quần phía trước bên phải ra 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 10 gói nilon màu hồng trên để giao nộp cho cơ quan Công an. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành niêm phong túi nilon màu trắng bên trong có 10 gói nilon màu hồng thu giữ của T để gửi đi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 428/PC09 ngày 23/6/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong thu của Lê Đình T có khối lượng là 1,072 gam, là ma túy, loại Hêrôin.

Tại cơ quan điều tra Lê Đình T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh, xử lý.

Đối với người đàn ông cho T đi nhờ xe ngày 20/6/2019, do T không biết tên tuổi, địa chỉ và khi đi nhờ T cũng không nói là có cất giấu ma túy trong người nên không có đủ cơ sở để xác minh, xử lý.

Cáo trạng số: 95/CT-VKSKC ngày 20-9-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lê Đình T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Đình T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; xử phạt Lê Đình T

từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, trừ đi 01 ngày T bị tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày T đi chấp hành hình phạt; Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 1,028 gam Hêrôin còn hoàn lại sau giám định; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và không có ý kiến tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như: Biên bản vụ việc (bút lục 30-31); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (bút lục 32); kết luận giám định (bút lục 40); bản tường trình và lời khai của T (bút lục 72-86); lời khai của những người làm chứng ông B, anh E (bút lục 33-36) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 20-6-2019 tại khu vực cổng Trung tâm Y tế huyện K, tỉnh Hưng Yên, Lê Đình T đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,072gam Hêrôin, mục đích để sử dụng thì bị Công an huyện K phối hợp với Công an thị trấn K phát hiện, bắt quả tang. Do vậy, hành vi của Lê Đình T đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Lê Đình T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 95/CT-VKSKC ngày 20-9-2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, bị cáo hiểu được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, hiểu được tệ nạn

ma túy đang là mối quan tâm nhức nhối của toàn xã hội nên bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, đã nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện việc bị cáo coi thường pháp luật, lối sống buông thả.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tuy bị cáo đã nhiều lần bị kết án nhưng đến nay đã được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên thấy cần thiết phải cho cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan công an đã thu giữ của Lê Đình T 1,072 gam Hêrôin, sau khi gửi đi giám định trọng lượng còn hoàn lại: 1,028 gam Hêrôin là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

(Tình trạng, số lượng, chủng loại, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 65/QĐ-VKSKC ngày 20-9-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K)

[6]. Về án phí: Bị cáo Lê Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Lê Đình T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt Lê Đình T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, trừ đi 01 ngày T bị bắt tạm giữ; thời hạn tù tính từ ngày Lê Đình T đi chấp hành hình phạt.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lê Đình T.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 1,028 gam Hêrôin còn hoàn lại sau giám định.

(Tình trạng, số lượng, chủng loại, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 65/QĐ-VKSKC ngày 20-9-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-10-2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát, Công an huyện K;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; UBND xã D;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

Phạm Văn Huân

